

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024  
CỦA TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên trường: Trường Mầm non Sơn Ca
2. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.  
Số điện thoại: 0225.3888.388
- Địa chỉ thư điện tử: [mamnonsonca@gmail.com](mailto:mamnonsonca@gmail.com)

Cổng thông tin điện tử của đơn vị: <https://mnsonca.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của đơn vị: Trường mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường;

Trường mầm non Sơn Ca là một trường trọng điểm, cán bộ, giáo viên, nhân viên phải chuẩn mực và năng động, tiếp tục là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh và niềm tự hào của lãnh đạo các cấp.

Tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, phát hiện và bồi dưỡng phẩm chất và sở trường riêng của từng trẻ, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng chăm sóc, giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường;

Trường Mầm non Sơn Ca được tách ra từ trường mầm non 3-2 vào tháng 8 năm 2006. Theo Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường Mầm non 3-2 thị trấn Cát Bà vào trường Mầm non Sơn Ca thành trường Mầm non Sơn Ca kể từ ngày 01/3/2025. Các cơ sở của trường đều được xây dựng tương đối khang trang, địa điểm cao, thoáng, đặt tại trung tâm thị trấn, giao thông đi lại thuận lợi. Qua quá trình phân đấu và trường thành trường đã được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 5 năm 2011, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng tháng 5 năm 2013.

Cùng với bậc học Mầm non trên cả nước, hiện nay bậc học mầm non đang thực hiện đại trà chương trình mầm non mới, đang hoàn tất các bước cuối cùng để công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đây là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách, đáp ứng xu thế giáo dục nói chung ở các nước trong khu vực trên thế giới và trong nước. Đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn đầu chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong công cuộc đổi mới nền giáo dục Việt Nam, trên chặng đường đầu tiên đầy thử thách khó khăn nhưng cũng có rất nhiều thuận lợi. Những kết quả mà nhà trường đạt được đã chứng minh

điều đó. Nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng vững mạnh, đã, đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh trên địa bàn.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban Giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường MN Sơn Ca là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà Lê Thanh Hiền Hương - Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0977150606

Địa chỉ thư điện tử: [lethanhhuong874@gmail.com](mailto:lethanhhuong874@gmail.com)

7. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập trường: Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 06/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải V/v thành lập Trường Mầm non Sơn Ca thị trấn Cát Bà.

Quyết định sáp nhập số 456/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường Mầm non 3-2 thị trấn Cát Bà vào trường Mầm non Sơn Ca thành trường Mầm non Sơn Ca kể từ ngày 01/3/2025.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 V/v Kiện toàn Hội đồng trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cát Hải nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Danh sách thành viên hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	
		UBNDTTCB - Nhà trường	Hội đồng trường
1	Bà Lê Thanh Hiền Hương	Bí thư CB, Hiệu trưởng	Thành viên
2	Bà Đỗ Thị Thùy Linh	Phó BT CB, Phó HT, CTCĐ	Thành viên
3	Bà Hoàng Thị Diệp	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Bà Trần Thị Sáu	Tổ trưởng tổ nhà trẻ	Thư ký
5	Bà Đặng Thị Quỳnh Nga	Tổ trưởng tổ 3-4 tuổi	Thành viên
6	Bà Trần Thị Anh	Tổ trưởng tổ 5 tuổi	Thành viên
7	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
8	Ông Đinh Văn Mạnh	Trưởng BĐDCMHS	Thành viên
9	Ông Hoàng Xuân Thùy	Phó chủ tịch UBNDTTCB	Thành viên

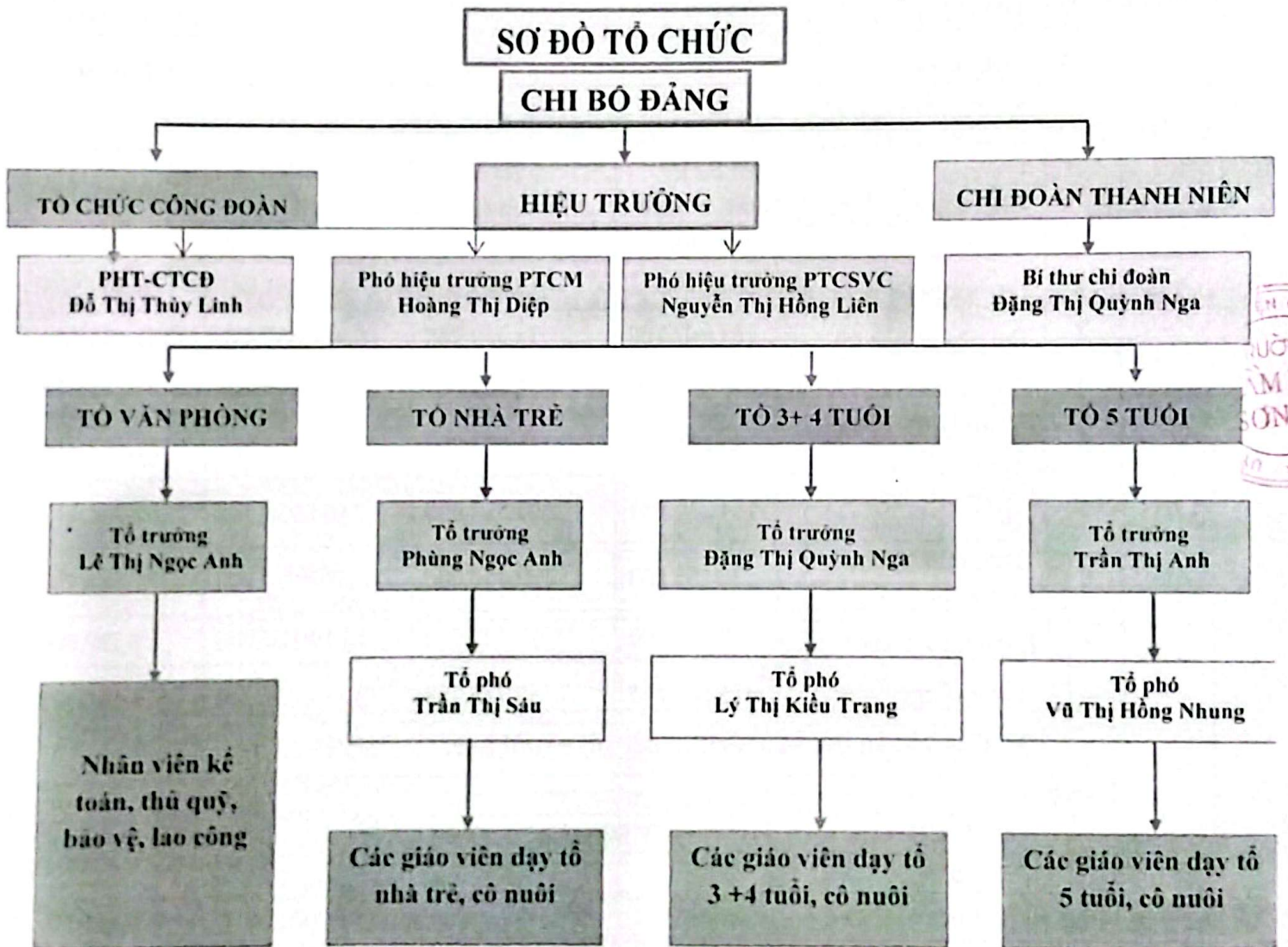
c) Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: Số 480/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm Bà Lê Thanh Hiền Hương giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Sơn Ca.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Số 481/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Liên giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Sơn Ca.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Số 482/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Thùy Linh giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Sơn Ca.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Số 483/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm Bà Hoàng Thị Diệp giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Sơn Ca.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;



8. Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ khác.

## II. THU – CHI TÀI CHÍNH

### 1. Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024.

STT	Diễn giải nội dung	Số tiền (đ)
<b>I</b>	<b>Dự toán được giao trong năm</b>	<b>23.940.733.798</b>
1	Kinh phí chi thường xuyên (Nguồn 13)	14.452.557.740
2	Kinh phí chi không thường xuyên (Nguồn 12)	9.488.176.058
<b>II</b>	<b>Kinh phí đã quyết toán trong năm 2024</b>	<b>23.940.733.798</b>
1	Chi tiền lương và thu nhập có tính chất như lương	13.422.253.478
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	9.825.809.660
3	Chi hỗ trợ người học	413.394.000
4	Chi khác	279.276.660

### 2. Quyết toán tổng hợp thu, chi sự nghiệp năm 2024.

STT	Diễn giải nội dung	Số dư kỳ trước chuyển sang (đ)	Số thu (đ)	Số chi (đ)	Tồn cuối kỳ (đ)
1	Thu học phí	232.574.632	415.225.000	612.981.667	34.817.965
2	Thu tiền ăn bán trú	187.947.100	2.032.319.788	1.918.662.488	301.604.400
3	Thu tiền chất đốt	19.521.000	184.646.000	178.969.000	25.198.000
4	Hỗ trợ lương nhân viên nấu ăn	45.686.534	218.093.000	238.154.220	25.625.314
5	Quản lý trẻ ngoài giờ	104.210.254	690.527.000	684.950.341	109.786.913
6	Trang thiết bị phục vụ bán trú	76.155.500	199.480.000	203.954.600	71.680.900
7	Kiểm tra sức khỏe	9.765.000	19.425.000	19.800.000	9.390.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>675.860.020</b>	<b>3.759.715.788</b>	<b>3.857.472.316</b>	<b>578.103.492</b>

### 3. Các khoản thu và mức thu đối với người học.

STT	Nội dung thu	Mức thu
<b>A</b>	<b>CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH</b>	
1	Học phí	
1.1	Nhà trẻ	92.000 đồng/trẻ/tháng
1.2	Mẫu giáo	85.000 đồng/trẻ/tháng
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN</b>	
<b>I</b>	<b>Tiền phục vụ bán trú:</b>	
1.1	Tiền ăn, chất đốt (Trong đó: 24.000đ tiền ăn; 2.000đ tiền chất đốt)	24.000đ/trẻ/ ngày

1.2	Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú	
1.2.1	Trẻ tuyến mới	360.000đ/trẻ/ năm học
1.2.2	Trẻ đang theo học tại trường	200.000đ/trẻ/ năm học
<b>2</b>	<b>Chăm sóc bán trú</b>	
2.1	Tiền hỗ trợ nhân viên nấu ăn	35.000đ/trẻ/ tháng
2.2	Tiền quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	7.000 đồng/trẻ/ngày
<b>D</b>	<b>CÁC KHOẢN THU HỘ - CHI HỘ</b>	
1	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần/năm	15.000đ/trẻ/lần

#### 4. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng với người học.

- Học kỳ II năm học 2023-2024 có 688 đối tượng được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND với tổng số tiền là: 204.538.000 đồng.

- Học kỳ I năm học 2024-2025:

+ Có 423 đối tượng được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND với tổng số tiền là: 141.196.000 đồng.

+ Có 207 đối tượng được miễn học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP với tổng số tiền là: 67.660.000 đồng.

### III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

#### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.

STT	Nội dung	Năm học 2024 - 2025			
		Tổng số	Trình độ đào tạo		
			ĐH	CD	THCN
<b>A</b>	<b>Tổng số</b>				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>56</b>	<b>55</b>	<b>1</b>	
1	GV nhà trẻ	13	13		
2	G. viên mẫu giáo	43	42	1	
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		
1	Hiệu trưởng	1	1		
2	Phó hiệu trưởng	3	3		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
1	Kế toán - Văn thư	1	1		
2	Thủ quỹ - Thư viện	1	1		
<b>IV</b>	<b>Nhân viên khác</b>	<b>18</b>		<b>11</b>	<b>3</b>
1	Lao công	3			1
2	Bảo vệ	4			2
3	Nhân viên nấu ăn	11		11	
<b>B</b>	<b>Đạt chuẩn</b>	<b>62</b>			
1	Giáo viên	56			
2	Cán bộ quản lý	4			

3	Nhân viên	2			
C	Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	30			
1	Giáo viên	56			
2	Cán bộ quản lí	4			

## 2. Thông tin về cơ sở vật chất.

STT	Nội dung	Năm 2024 - 2025	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	5.331 m <sup>2</sup>	
	Điểm trường	04	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	8,4 m <sup>2</sup>	
2.1	<b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>		
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	27	
	Phòng vệ sinh	27	
	Phòng ngủ	0	
	Phòng khác	0	
2.2	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>		
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	03	
	Phòng khác	03	
2.3	<b>Khối phòng tổ chức ăn</b>		
	Nhà bếp	03	
	Nhà kho	03	
	Phòng khác	0	
2.4	<b>Khối phòng hành chính chính quản trị</b>		
	Phòng hiệu trưởng	02	
	Phòng phó hiệu trưởng	03	
	Văn phòng trường	01	
	Phòng họp	02	
	Phòng hành chính quản trị	01	
	Phòng bảo vệ	01	
	Phòng y tế	03	
	Phòng nhân viên	01	
	Phòng tiếng Anh	01	
	<b>Khối công trình công cộng</b>		
1	Nhà xe giáo viên	01	

2	Phòng khác	00	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có (Bộ)	27	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời (Bộ 5 chiếc)	03	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		
	- Máy in	07	
	- Máy vi tính văn phòng	07	

### 3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá

Trường Mầm non Sơn Ca tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (Kế hoạch số 201/KH-MNSC ngày 24/10/2024)

3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/02/2013).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Chứng nhận số 694/QĐ-UBND ngày 09/05/2011).

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2023 - 2024

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025 (Kế hoạch số 201/KH-MNSC ngày 24/10/2024)

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo. Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2020 - 2021 đến hết năm học 2024 - 2025 (Kế hoạch số 112 KH-MNSC ngày 05/10/2020).

### IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON.

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số lớp	13	27
2	Tổng số trẻ	350	632
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	27	223

4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	350	632
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	350	632
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	350	632
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	88	202
8	Số trẻ khuyết tật	0	2

Cát Hải, ngày 09 tháng 6 năm 2025



**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thanh Hiền Hương**